

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../DKQN-TCKT  
V/v Công bố BCTC bán niên năm 2023 đã  
được soát xét.

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
2. Mã chứng khoán: PQN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, P. Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Điện thoại: 0255 3827492 Fax: 0255 3827507
5. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Lê Hồng Phong
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC được lập ngày 14/08/2023; Bao gồm: Báo cáo của Ban giám đốc, Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.
7. Địa chỉ Website đăng tải báo cáo tài chính: <http://ptscquangngai.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Lưu: VT, HCNS (HVD).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Hồng Phong	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Giám đốc
Ông Ngô Tấn Quảng	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tấn Tĩnh	Thành viên
Bà Phan Thị Thùy Trang	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Lê Hồng Phong**

**Giám đốc**

*Ngày 14 tháng 8 năm 2023*

12500  
HI NH  
IG TY  
ỀM T  
SLOI  
IỆT I  
TP.H

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thu Sang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2023  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>631.495.034.311</b>	<b>597.491.050.642</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>33.636.081.822</b>	<b>43.103.589.578</b>
1. Tiền	111		33.636.081.822	43.103.589.578
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.400.000.000</b>	<b>6.400.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	6.400.000.000	6.400.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>306.010.822.604</b>	<b>300.354.237.775</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	218.103.230.988	246.496.260.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	47.070.460.866	17.058.419.465
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	43.232.086.262	39.194.513.081
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.394.955.512)	(2.394.955.512)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>273.549.802.461</b>	<b>242.904.454.226</b>
1. Hàng tồn kho	141		273.549.802.461	242.904.454.226
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.898.327.424</b>	<b>4.728.769.063</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.497.350.490	2.457.053.587
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13	9.400.976.934	2.271.715.476
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>287.038.682.855</b>	<b>311.654.056.278</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.516.550.273</b>	<b>13.516.550.273</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	13.516.550.273	13.516.550.273
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>169.560.755.107</b>	<b>193.214.787.202</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	167.762.451.078	191.030.799.339
- Nguyên giá	222		879.131.693.264	880.451.449.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(711.369.242.186)	(689.420.649.855)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.798.304.029	2.183.987.863
- Nguyên giá	228		5.343.161.029	5.343.161.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.544.857.000)	(3.159.173.166)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>87.699.445.067</b>	<b>87.272.484.025</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	14	69.815.950.708	69.815.950.708
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	17.883.494.359	17.456.533.317
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.261.932.408</b>	<b>17.650.234.778</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	16.261.932.408	17.650.234.778
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>918.533.717.166</b>	<b>909.145.106.920</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>784.513.010.809</b>	<b>783.673.728.802</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>425.605.812.143</b>	<b>424.658.302.549</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	209.900.733.432	230.919.052.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	130.067.390.357	90.457.894.567
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.254.511.855	3.120.707.759
4. Phải trả người lao động	314		28.756.403	5.666.756.404
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	28.768.802.135	38.296.918.962
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.949.292	659.579.292
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	55.556.668.669	55.537.393.124
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>358.907.198.666</b>	<b>359.015.426.253</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	358.891.628.649	358.891.628.649
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		15.570.017	123.797.604
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>134.020.706.357</b>	<b>125.471.378.118</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>134.020.706.357</b>	<b>125.471.378.118</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.707.250.551	4.707.250.551
3. Lỗ lũy kế	421		(170.686.544.194)	(179.235.872.433)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(179.235.872.433)	(200.290.821.273)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		8.549.328.239	21.054.948.840
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>918.533.717.166</b>	<b>909.145.106.920</b>

Hồ Vũ Duy  
 Người lập biểu

Trịnh Lương Một  
 Kế toán trưởng

Lê Hồng Phong  
 Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Kỳ này	Kỳ trước
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	434.217.552.914	440.315.901.702
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		434.217.552.914	440.315.901.702
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	405.758.546.576	407.108.243.668
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		28.459.006.338	33.207.658.034
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.053.190.671	92.425.432
6. Chi phí tài chính	22	26	1.797.666.139	314.998.771
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		173.033.669	240.049.006
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.807.395.526	18.611.316.654
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		9.907.135.344	14.373.768.041
9. Thu nhập khác	31		1.370.426.931	65.312.495
10. Chi phí khác	32		112.286.598	118.817.200
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		1.258.140.333	(53.504.705)
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		11.165.275.677	14.320.263.336
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	51	28	2.724.175.025	2.858.508.148
14. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	(108.227.587)	29.064.694
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		8.549.328.239	11.432.690.494
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	285	381

Hồ Vũ Duy  
 Người lập biểu

Trịnh Lương Một  
 Kế toán trưởng

Lê Hồng Phong  
 Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 8 năm 2023

250  
 HI NI  
 G T  
 M T  
 LO  
 ET  
 TP.1

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.165.275.677	14.320.263.336
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.009.162.913	25.558.479.344
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(619.701.339)	221.632.474
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(454.711.183)	(22.662.095)
Chi phí lãi vay	06	173.033.669	240.049.006
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.273.059.737	40.317.762.065
Thay đổi các khoản phải thu	09	(11.964.822.562)	(3.474.909.186)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(30.645.348.235)	(25.477.299.524)
Thay đổi các khoản phải trả	11	4.578.078.296	(36.103.075.851)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.348.005.467	(173.354.566)
Tiền lãi vay đã trả	14	(173.033.669)	(240.049.006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.712.607.692)	(2.578.217.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.296.668.658)	(27.729.143.424)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.621.882.660)	(6.191.333.484)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	159.636.364	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	197.330.162	45.324.191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.264.916.134)	(6.146.009.293)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	26.687.695.457	24.495.982.796
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.687.695.457)	(15.339.086.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	9.156.896.260
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.561.584.792)	(24.718.256.457)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.103.589.578	44.179.913.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	94.077.036	85.666.797
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	33.636.081.822	19.547.323.491



Hồ Vũ Duy  
 Người lập biểu

Trịnh Lương Một  
 Kế toán trưởng

Lê Hồng Phong  
 Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4300351623 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Cổ đông chính và là Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty PTSC”).

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, cổ phiếu UPCoM của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là “PQN”.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 709 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 757 nhân viên).

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, vận chuyển các sản phẩm dầu khí, bốc dỡ, vận chuyển, giao nhận thiết bị, hàng hóa; gia công lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị công trình dầu khí, bảo dưỡng hoán cải các phương tiện nổi; khai thác cảng biển, cung ứng vật tư thiết bị các công trình dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải; kinh doanh tàu lai kéo; dịch vụ thuê tàu; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp (nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, công trình kỹ thuật phụ, thuộc nhà kho, công trình giao thông (cầu, đường, đê kè, bến cảng, san lấp mặt bằng và công trình cấp thoát nước); chế tạo và lắp đặt các bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dầu khí và cung cấp dịch vụ đại lý hải quan, dịch vụ khai thuế hải quan.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây dựng các công trình, chế tạo và lắp đặt, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty tương ứng theo thời gian thực hiện hợp đồng, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại các dự án mà Công ty đang thực hiện.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	4

### Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm trả trước, các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và chi phí trả trước khác.

Chi phí mua bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.



Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và, ngoài ra, không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	42.643.175	174.481.970
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.593.438.647	42.929.107.608
	<b>33.636.081.822</b>	<b>43.103.589.578</b>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm sẽ đáo hạn ngày 01 tháng 9 năm 2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi với lãi suất 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4,7%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu khách hàng là các bên thứ ba</b>		
Baltec IES Pty Ltd	23.437.867.264	10.713.013.657
Công ty TNHH Hệ thống Điện GE Việt Nam	22.641.438.885	29.079.843.417
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân Lực Việt Nam	22.375.637.437	6.734.888.019
EGL Waste Services Pty Ltd	12.999.776.717	23.291.802.936
GE Global Parts & Products GmbH	12.281.120.100	19.349.756.022
GE Electric International Inc.	10.465.405.385	5.351.864.274
Khách hàng khác	15.324.918.855	17.041.166.780
	<b>119.526.164.643</b>	<b>111.562.335.105</b>
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Thuyết minh số 31)	98.577.066.345	134.933.925.636
	<b>218.103.230.988</b>	<b>246.496.260.741</b>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Vifutech	16.570.480.896	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Elcom (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông)	8.006.087.689	8.006.087.689
Công ty TNHH Tự động hóa và Hệ thống điều khiển tích hợp Global Asia Material Co., Limited	7.175.146.413	-
	5.732.721.272	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Dầu Khí Bình Chuẩn	1.741.291.877	3.794.025.076
Khác	7.679.684.397	4.955.785.986
	<b>46.905.412.544</b>	<b>16.755.898.751</b>
<b>b. Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	165.048.322	302.520.714
	<b>47.070.460.866</b>	<b>17.058.419.465</b>

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu theo hợp đồng xây dựng</b>	<b>23.663.366.795</b>	<b>20.768.621.261</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	9.484.582.978	9.484.582.978
Đối tượng khác	14.178.783.817	11.284.038.283
<b>Phải thu khác</b>	<b>19.568.719.467</b>	<b>18.425.891.820</b>
Ký cược, ký quỹ	17.702.645.637	16.019.753.360
Đối tượng khác	1.866.073.830	2.406.138.460
	<b>43.232.086.262</b>	<b>39.194.513.081</b>





	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Elcom (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông) (*)	11.516.550.273	11.516.550.273
	<b>13.516.550.273</b>	<b>13.516.550.273</b>

(\*) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Elcom (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông) (“Elcom”) thể hiện số tiền mà Công ty đã chi hộ cho Elcom trong quá trình thực hiện dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol (“Bio Ethanol”). Khi dự án Bio Ethanol được quyết toán với chủ đầu tư, khoản phải thu này sẽ được bù trừ với giá trị phần khối lượng công việc mà Elcom thực hiện cho dự án này dưới hình thức hợp đồng nhà thầu phụ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Elcom và Công ty chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị khối lượng công việc thực hiện với chủ đầu tư.

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND Giá gốc	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	51.919.326.509	-	50.122.286.602	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	221.630.475.952	-	192.782.167.624	-
	<b>273.549.802.461</b>	<b>-</b>	<b>242.904.454.226</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Long Sơn	64.964.235.649	56.823.822.166
Dự án gia công GE	43.238.809.809	55.348.141.946
Dự án Phân kho 85	35.996.213.478	-
Dự án kho chứa LNG Thị Vải	19.616.654.948	25.844.551.459
Dự án gia công kết cấu thép cho Baltec IES (8800)	15.302.019.985	25.370.779.019
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	6.016.141.164	6.016.141.164
Các dự án khác	36.496.400.919	23.378.731.870
	<b>221.630.475.952</b>	<b>192.782.167.624</b>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	1.759.682.196	1.493.088.830
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	176.341.797	193.079.248
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	561.326.497	770.885.509
	<b>2.497.350.490</b>	<b>2.457.053.587</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	1.404.726.999	1.847.032.114
Sửa chữa, cải tạo xưởng cơ khí, văn phòng	357.818.309	619.338.306
Duy tu, nạo vét Cảng Dung Quất	-	59.148.434
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	14.499.387.100	15.124.715.924
	<b>16.261.932.408</b>	<b>17.650.234.778</b>

2500-0  
NHÂN  
TY T  
M TOÁ  
OIT  
T NA  
P. HỒ C

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	269.070.165.802	97.551.776.993	503.172.122.644	8.384.091.890	2.273.291.865	880.451.449.194
Tăng trong kỳ	-	814.585.000	431.469.818	109.076.000	-	1.355.130.818
Thanh lý trong kỳ	-	(2.297.524.809)	(377.361.939)	-	-	(2.674.886.748)
Số dư cuối kỳ	269.070.165.802	96.068.837.184	503.226.230.523	8.493.167.890	2.273.291.865	879.131.693.264
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	193.252.289.173	79.147.596.479	409.385.733.692	5.364.161.319	2.270.869.192	689.420.649.855
Khấu hao trong kỳ	5.225.423.586	4.082.334.263	14.979.219.999	334.078.558	2.422.673	24.623.479.079
Thanh lý trong kỳ	-	(2.297.524.809)	(377.361.939)	-	-	(2.674.886.748)
Số dư cuối kỳ	198.477.712.759	80.932.405.933	423.987.591.752	5.698.239.877	2.273.291.865	711.369.242.186
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<b>75.817.876.629</b>	<b>18.404.180.514</b>	<b>93.786.388.952</b>	<b>3.019.930.571</b>	<b>2.422.673</b>	<b>191.030.799.339</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>70.592.453.043</b>	<b>15.136.431.251</b>	<b>79.238.638.771</b>	<b>2.794.928.013</b>	-	<b>167.762.451.078</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 231.933.188.803 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 219.037.701.291 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b> Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	5.343.161.029
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> Số dư đầu kỳ Khấu hao trong kỳ Số dư cuối kỳ	3.159.173.166 385.683.834 3.544.857.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> Tại ngày đầu kỳ	<b>2.183.987.863</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.798.304.029</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 2.753.058.029 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.753.058.029 đồng).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp /thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp /thu trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	(2.271.715.476)	(6.093.549.410)	1.035.712.048	(9.400.976.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.015.498.941	2.724.175.025	4.712.607.692	1.027.066.274
Thuế thu nhập cá nhân	105.208.818	607.451.904	485.215.141	227.445.581
Thuế xuất, nhập khẩu	-	130.548.145	130.548.145	-
Thuế nhà đất	-	102.147.116	102.147.116	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	<b>848.992.283</b>	<b>(2.524.227.220)</b>	<b>6.471.230.142</b>	<b>(8.146.465.079)</b>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.271.715.476			9.400.976.934
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.120.707.759			1.254.511.855

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

Đây là giá trị của dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol ("Nhà máy Bio Ethanol"). Dự án này cơ bản đã hoàn thành khối lượng, đang thực hiện công tác bàn giao và quyết toán với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 thể hiện khoản chi phí tương ứng với 5% giá trị hợp đồng. Khoản 5% giá trị này sẽ được ghi nhận sau khi hoàn thành công tác bàn giao và quyết toán dự án theo quy định của hợp đồng.

Theo đó, giá trị thu hồi của khoản chi phí này sẽ tùy thuộc vào giá trị quyết toán của dự án. Tại ngày lập báo cáo này, việc quyết toán dự án vẫn chưa hoàn thành.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án trang trí cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất	5.831.705.440	5.880.355.437
Dự án mua cầu trục	1.498.029.995	1.071.068.953
Dự án mở rộng Xưởng cơ khí Dung Quất	8.996.682.333	8.948.032.336
Dự án nâng cấp nền bãi tại Dung Quất	1.557.076.591	1.557.076.591
	<b>17.883.494.359</b>	<b>17.456.533.317</b>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Nhân lực và Dịch vụ Kỹ thuật XL	13.443.146.384	4.935.873.645
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vũ Trịnh Gia Bảo	13.188.280.660	20.137.180.414
Shandong Runnh Power Plant Engineering Technology	12.426.377.865	12.412.834.224
Alfa Laval (India) Limited	9.463.530.217	9.449.822.717
Khác	122.910.346.246	144.305.872.997
	<b>171.431.681.372</b>	<b>191.241.583.997</b>
<b>b. Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	38.469.052.060	39.677.468.444
	<b>209.900.733.432</b>	<b>230.919.052.441</b>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Bên thứ ba</b>		
Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần	34.335.000.000	23.804.431.928
Khác	747.733.087	76.415.905
	<b>35.082.733.087</b>	<b>23.880.847.833</b>
<b>b. Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	94.984.657.270	66.577.046.734
	<b>130.067.390.357</b>	<b>90.457.894.567</b>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phải trả dự án Bio Ethanol (*)	28.562.027.135	28.562.027.135
Chi phí phải trả các dự án Đơn hàng cung cấp nhân lực và kỹ thuật GE	-	5.292.986.373
Chi phí phải trả dự án Baltec	172.035.000	1.059.310.694
Chi phí phải trả khác	34.740.000	3.382.594.760
	<b>28.768.802.135</b>	<b>38.296.918.962</b>

(\*) Bao gồm giá trị của khối lượng công việc lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 21.542.185.474 đồng mà Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Elcom (tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông) ("Elcom") thực hiện cho dự án này dưới hình thức hợp đồng nhà thầu phụ.



19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC - Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	30.315.308.221	30.315.308.221
Phải trả nhân viên	14.986.282.322	15.167.108.835
Alfa Laval (India) Limited	1.864.449.770	3.497.414.292
Các khoản khác	8.390.628.356	6.557.561.776
	<b>55.556.668.669</b>	<b>55.537.393.124</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC - Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	358.891.628.649	358.891.628.649

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	4.707.250.551	(200.290.821.273)	104.416.429.278
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.054.948.840	21.054.948.840
Số dư đầu kỳ này	300.000.000.000	4.707.250.551	(179.235.872.433)	125.471.378.118
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	8.549.328.239	8.549.328.239
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>4.707.250.551</b>	<b>(170.686.544.194)</b>	<b>134.020.706.357</b>

Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng, tương đương 30.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	95,2	285.581.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	3,3	10.000.000.000
Người lao động Công ty	1,5	4.419.000.000
	<b>100</b>	<b>300.000.000.000</b>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

21. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ ("USD")	1.233.129	650.901
Euro ("EUR")	146.448	-

2500-  
NHÀ  
CỔ ĐÔNG  
M T C  
LOIT  
T N  
TP. HỒ

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty hiện đang cung cấp các dịch vụ chính như sau:

- Dịch vụ xây lắp và cung cấp thiết bị bao gồm dịch vụ cơ khí và xây lắp cho các dự án công nghiệp; dịch vụ sửa chữa, bảo trì và thay thế phụ tùng cho các nhà máy lọc dầu;
- Dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan khác như dịch vụ lai dắt, dịch vụ hàng hải, và dịch vụ hậu cần.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và lập báo cáo bộ phận cho lĩnh vực kinh doanh theo doanh thu và giá vốn các dịch vụ cung cấp như được trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24 bên dưới. Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh cho tài sản và công nợ vì tài sản được sử dụng chung cho nhiều dịch vụ của Công ty.

Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý vì hầu hết các hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở Việt Nam nên không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu từ các dự án xây lắp, sửa chữa và cung cấp thiết bị	272.874.891.064	267.586.717.138
Doanh thu cung cấp dịch vụ	161.342.661.850	172.729.184.564
	<b>434.217.552.914</b>	<b>440.315.901.702</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn các dự án xây lắp, sửa chữa và cung cấp thiết bị	261.710.104.517	254.185.509.224
Giá vốn dịch vụ cung cấp	144.048.442.059	152.922.734.444
	<b>405.758.546.576</b>	<b>407.108.243.668</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.424.642.142	124.210.533.053
Chi phí nhân công	69.883.351.914	75.625.203.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.009.162.913	25.558.479.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.848.917.287	187.517.226.908
Chi phí khác bằng tiền	12.332.642.469	12.492.201.273
	<b>424.498.716.725</b>	<b>425.403.643.606</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.577.678.077	55.768.835
Chi phí lãi vay	173.033.669	240.049.006
Khác	46.954.393	19.180.930
	<b>1.797.666.139</b>	<b>314.998.771</b>



27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương nhân viên quản lý	9.692.018.148	9.903.444.851
Dịch vụ mua ngoài	4.789.027.196	4.656.780.339
Chi phí khấu hao	838.391.198	1.058.968.304
Thuế, phí và lệ phí	42.606.800	99.017.000
Khác	4.445.352.184	2.893.106.160
	<b>19.807.395.526</b>	<b>18.611.316.654</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	11.165.275.677	14.320.263.336
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng thu nhập chịu thuế</i>	796.647.761	88.801.662
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh làm giảm thu nhập chịu thuế</i>	(255.509.827)	(275.029.458)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	153.386.598	158.505.200
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>11.859.800.209</b>	<b>14.292.540.740</b>
<i>Thuế suất</i>	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.371.960.042</b>	<b>2.858.508.148</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	352.214.983	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.724.175.025</b>	<b>2.858.508.148</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(108.227.587)	29.064.694
<b>Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(108.227.587)</b>	<b>29.064.694</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tính toán dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.549.328.239	11.432.690.494
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.549.328.239	11.432.690.494
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>285</b>	<b>381</b>

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.986.017.000	2.722.017.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	6.266.034.000	5.972.034.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.938.136.000	7.124.136.000
Sau năm năm	2.983.995.117	3.078.534.433
	<b>13.188.165.117</b>	<b>16.174.704.433</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 4.070 m<sup>2</sup> tại vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Trích sao bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên Môi trường xác nhận ngày 04 tháng 01 năm 2004 với giá thuê 46.200 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất được ký giữa Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty PTSC”) với thời hạn 40 năm tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2004. Lô đất này đã được chuyển cho Công ty sử dụng từ năm 2004. Căn cứ theo Điều 20 của Quyết định số 323/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2010 thì Công ty sẽ chịu toàn bộ chi phí thuê cho phần đất được sử dụng.
- Tổng số tiền thuê Bến số 2 – Bến cảng Dung Quất. Hợp đồng thuê bến cảng được ký giữa Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty PTSC”) với Công ty cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi với thời hạn 6 năm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2015. Phụ lục hợp đồng gia hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Cam kết vốn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Giá trị các hợp đồng mua sắm, xây dựng tài sản nhưng chưa thực hiện	312.395.333.619	24.896.664.758

Tại ngày 23 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư Khu dịch vụ cơ khí dầu khí Dung Quất tại khu công nghiệp phía Đông, khu kinh tế Dung Quất, thuộc xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với diện tích 13,4 hecta. Tổng mức đầu tư của dự án là 285.926.223.000 đồng. Dự kiến dự án hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư và thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đến Quý 3 năm 2023. Triển khai thi công xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trong thời gian 24 tháng kể từ ngày Nhà nước bàn giao đất.

Cam kết vay

Trong kỳ, Công ty có ký hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội với tổng hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Trong đó, hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và L/C là 50 tỷ đồng, hạn mức cấp bảo lãnh (không gồm bảo lãnh thanh toán) là 150 tỷ đồng. Thời hạn hợp đồng vay là 12 tháng từ ngày 17 tháng 02 năm 2023 đến ngày 17 tháng 02 năm 2024, lãi suất từ 5,85%/năm đến 10,1%/năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số hạn mức tín dụng có thể được sử dụng là 200 tỷ đồng.





31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty PTSC")	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Tổng công ty PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu khí PTSC	Công ty cùng Tổng Công ty PTSC
Công ty Cổ phần Lọc - Hóa Dầu Bình Sơn	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP (PVE)	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Công Nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Đông Nam Bộ	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Quảng Ngãi	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Dịch vụ Cảng Dung Quất	Các công ty trong cùng PVN
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Các công ty trong cùng PVN
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Các công ty trong cùng PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam - Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Đà Nẵng	Các công ty trong cùng PVN
Công ty chế biến khí Vũng Tàu	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Các công ty trong cùng PVN
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	Các công ty trong cùng PVN
Viện dầu khí Việt Nam	Các công ty trong cùng PVN

12  
HI  
V  
IÊN  
I  
7



Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	129.857.269.325	133.220.413.767
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	35.799.940.078	136.430.150.982
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC	1.500.000.000	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	(71.718.750)	9.054.629.358
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	30.971.250	2.859.755.445
Các bên liên quan khác	26.822.184	112.993.367
	<b>167.143.284.087</b>	<b>281.677.942.919</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	18.253.217.736	23.245.564.746
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	3.141.878.550	2.979.334.004
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.102.321.250	-
Tổng công ty Hóa chất và dịch vụ Dầu Khí - CTCPC	(233.293.913)	5.354.423.850
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC	825.000.000	-
Các bên liên quan khác	2.477.478.854	3.934.457.496
	<b>26.566.602.477</b>	<b>35.513.780.096</b>

Thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức danh	Số kỳ này VND	Số kỳ trước VND
Phạm Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)	23.200.000	-
Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)	17.000.000	-
Lê Hồng Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)	7.800.000	30.000.000
Nguyễn Khắc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)	7.800.000	-
Dương Hùng Văn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)	10.200.000	18.000.000
		<b>66.000.000</b>	<b>48.000.000</b>

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức danh	Số kỳ này VND	Số kỳ trước VND
Lê Hồng Phong	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2022)	403.982.138	-
Phạm Văn Hùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2022)	-	401.696.028
Nguyễn Văn Chinh	Phó Giám đốc	284.336.580	281.257.254
Ngô Tấn Quảng	Phó Giám đốc	349.823.411	314.893.290
		<b>1.038.142.129</b>	<b>997.846.572</b>

Thu nhập của Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức danh	Số kỳ này VND	Số kỳ trước VND
Nguyễn Tấn Tĩnh	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	6.000.000
Phan Thị Thùy Trang	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	6.000.000
		<b>24.000.000</b>	<b>12.000.000</b>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	68.228.042.095	96.792.903.591
Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	28.416.474.708	34.301.094.802
Công ty Cổ phần bảo dưỡng và sửa chữa Công trình Dầu khí Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	-	2.134.908.065
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC	-	1.110.518.669
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC	1.650.000.000	-
Các bên liên quan khác	282.549.542	594.500.509
	<b>98.577.066.345</b>	<b>134.933.925.636</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Chi nhánh PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	9.484.582.978	9.484.582.978
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	17.991.816.573	17.991.816.573
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	6.019.440.000	5.685.240.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC	4.627.436.048	4.627.436.048
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	3.219.933.692	2.476.825.645
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	2.238.064.117	2.230.843.057
Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	1.052.851.500	1.056.458.700
Công ty liên quan khác	3.319.510.130	5.608.848.421
	<b>38.469.052.060</b>	<b>39.677.468.444</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	45.816.725.642	45.816.725.642
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	38.794.008.631	10.386.398.095
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	10.373.922.997	10.373.922.997
	<b>94.984.657.270</b>	<b>66.577.046.734</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC	389.206.936.870	389.206.936.870
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần bảo dưỡng và sửa chữa Công trình Dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam	-	137.472.392
	165.048.322	165.048.322
	<b>165.048.322</b>	<b>302.520.714</b>

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 400.206.000 đồng (năm trước: 2.239.996.800 đồng) là số tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

---

Hồ Vũ Duy  
Người lập biểu

---

Trịnh Lương Một  
Kế toán trưởng

---

Lê Hồng Phong  
Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2023

HHH